



Câu lạc bộ thợ điện Schneider Electric

Dành cho người thi công điện. Hội viên tham gia CLB Thợ điện Schneider Electric bằng cách TẢI VÀ ĐĂNG KÝ ứng dụng Thợ điện mySchneider Electrician sẽ được tham dự MIỄN PHÍ các khóa đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ.

Hội viên được tư vấn lựa chọn, hướng dẫn lắp đặt sản phẩm, tham quan nhà máy và tham gia các Chương trình khuyến mãi và tích lũy điểm thưởng khi có công trình sử dụng thiết bị Schneider Electric.



Điểm bán hàng ủy quyền

Dành cho các đại lý, tiệm điện. Các đại lý, tiệm điện tham gia chương trình sẽ được trang bị bảng hiệu, kệ trưng bày, bảng sản phẩm mẫu cùng các vật phẩm quảng cáo cần thiết khác nhằm quảng bá cho thương hiệu của đại lý và gia tăng doanh số bán hàng.



Kết nối người sử dụng

Dành cho chủ nhà và người sử dụng. Khách hàng đăng ký tham gia chương trình sẽ được tư vấn miễn phí cách thiết kế, lựa chọn, lắp đặt, sử dụng thiết bị điện an toàn, tiện nghi và hiệu quả. Đặc biệt khách hàng sẽ được tham quan phòng trưng bày giải pháp Nhà Thông Minh - Wiser Home của Schneider Electric.



Hãy tham gia CLB Thợ điện & tận hưởng nhiều ưu đãi.

Tải và đăng ký ứng dụng Thợ điện "mySchneider Electrician" ngay hôm nay!



Schneider Electric Việt Nam

Email: customercare.vn@schneider-electric.com

Website: www.schneider-electric.com/VN
Hotline: 1800-585858 (Miễn cước cuộc gọi)

Hà Nội

Lầu 8, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Ba Đình
ĐT: (024) 3831 4037
Fax: (024) 3831 4039

Đà Nẵng

Phòng D, Lầu 6, Tòa nhà ACB
218 Bạch Đằng, Quận Hải Châu
ĐT: (0236) 387 2491
Fax: (0236) 387 2504

Hồ Chí Minh

Phòng 7.2, Lầu 7, Tòa nhà E-Town
364 Cộng Hòa, Quận Tân Bình
ĐT: (028) 3810 3103
Fax: (028) 3812 0477



Scan để tải bản mềm

©2020 Bản quyền hoàn toàn thuộc về Tập đ

Thiết bị điện dân dụng cao cấp đến từ Pháp

Schneider Electric

• Bảng giá dành cho dân ngụ 2020.

www.schneider-electric.com.vn

Bảng giá Đại lý

09.2020

se.com/vn/vi/

Life Is On

Schneider
Electric

Schneider Electric là chuyên gia quản lý năng lượng và tự động hóa trên toàn cầu, hoạt động trên 100 quốc gia, với mục tiêu giúp mọi người sử dụng năng lượng hiệu quả.



Văn phòng của Tập đoàn Schneider Electric tại Pháp,
Le Hive, Paris, FRANCE

Quý Khách Hàng thân mến,

Thay mặt Ban Giám Đốc Schneider Electric Việt Nam, tôi xin gửi đến Quý Khách Hàng lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất vì đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Là một công ty thành viên của tập đoàn Schneider Electric, sứ mệnh của chúng tôi luôn là nhà cung cấp giải pháp quản lý năng lượng và tự động hóa các quy trình an toàn, hiệu quả, không ngừng sáng tạo và đổi mới nhằm phục vụ tốt nhất cho Quý Khách Hàng.

Một trong những cải tiến vượt trội mà Schneider Electric đã mang đến cho khách hàng đó là dòng công tắc ổ cắm hoàn toàn phẳng Zencelo A, đây được xem như một chuẩn mực mới trong mặt hàng công tắc ổ cắm mặt chữ nhật. Với kiểu dáng sang trọng kết hợp với chức năng hiện đại như: ổ sạc USB, Zencelo A đang ngày càng khẳng định vị thế của mình trong lòng khách hàng.

Năm 2018, Schneider Electric giới thiệu đến thị trường bộ đôi công tắc ổ cắm AvatarOn và tủ điện Acti9, một sự kết hợp hoàn hảo cho ngôi nhà thân yêu. Ngoài tiêu chí sản phẩm an toàn, chất lượng cao, bộ đôi công tắc ổ cắm AvatarOn và tủ điện Acti9 có thiết kế tràn viền thời thượng, độc đáo và sáng tạo cùng mặt che có thể dễ dàng thay đổi giúp bạn thể hiện phong cách cho từng không gian sống, đồng thời khẳng định cá tính của mình một cách tinh tế nhất.

Bên cạnh đó, chúng tôi luôn lấy khách hàng làm trọng tâm và kim chỉ nam để phát triển bền vững. Các chương trình hỗ trợ bán hàng như: Câu lạc bộ thợ điện Schneider Electric Việt Nam; Điểm bán hàng ủy quyền; Chương trình dành cho đại lý; Chuẩn trưng bày Schneider Electric. Đây cũng chính là sự cam kết gắn bó lâu dài của Schneider Electric tại thị trường Việt Nam.

Một lần nữa, tôi xin chân thành cảm ơn Quý Khách Hàng đã ủng hộ chúng tôi trong suốt thời gian qua và hy vọng tiếp tục nhận được sự đồng hành và tin tưởng của quý khách hàng trong thời gian sắp tới.

Trân trọng,

Sử Ngọc Danh
Phó Tổng Giám Đốc
Schneider Electric Việt Nam & Cambodia

Life Is On

Schneider
Electric

Mục lục



CÔNG TẮC, Ổ CẮM ĐIỆN VÀ PHỤ KIỆN



THIẾT BỊ PHÂN PHỐI ĐIỆN HẠ THẾ

34	Tủ điện kim loại Acti9
35	Tủ điện dân dụng
38	Cầu dao tự động Easy9_MCB
39	Easy9RCCBRCBOSPD
40	Cầu dao tự động Acti9_MCB iK60N & iC60N
41	Cầu dao tự động Acti9 - MCB iC60H & iC60L
42	Cầu dao tự động Acti9 - MCB C120N & C120H
43	Cầu dao tự động Acti9_RCCBRCBOSPD
44	Khởi động từ và rơle điều khiển Acti9
45,46	Cầu dao tự động dạng khối MCCB EasyPact EZS 100E/F, 160/250E/F, 400/630F/N
47	Máy cắt không khí ACB EasyFIT EVS
49	Cầu dao tự động dạng khối MCCB EasyPact EZC100
50	Cầu dao tự động dạng khối MCCB EasyPact EZC250 EZC400/630
51	Thiết bị chống dòng rò EasyPact ELCB
52	Cầu dao tự động dạng khối MCCB EasyPact CVS100/630
54	Cầu dao tự động dạng khối ComPact NSXm 16/160A

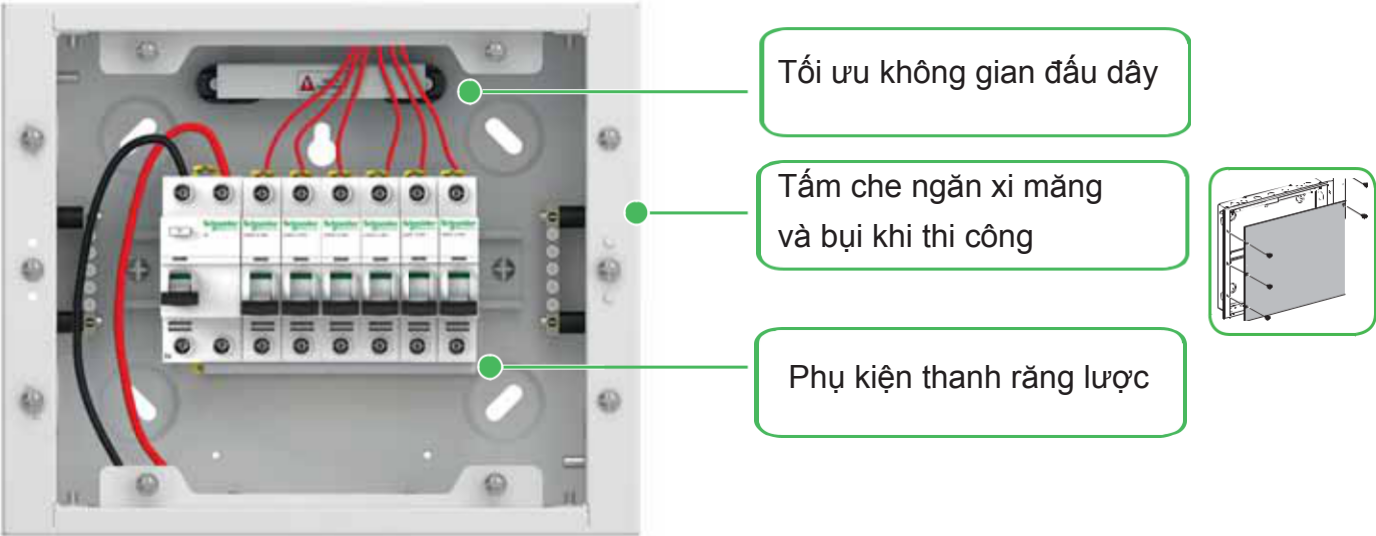
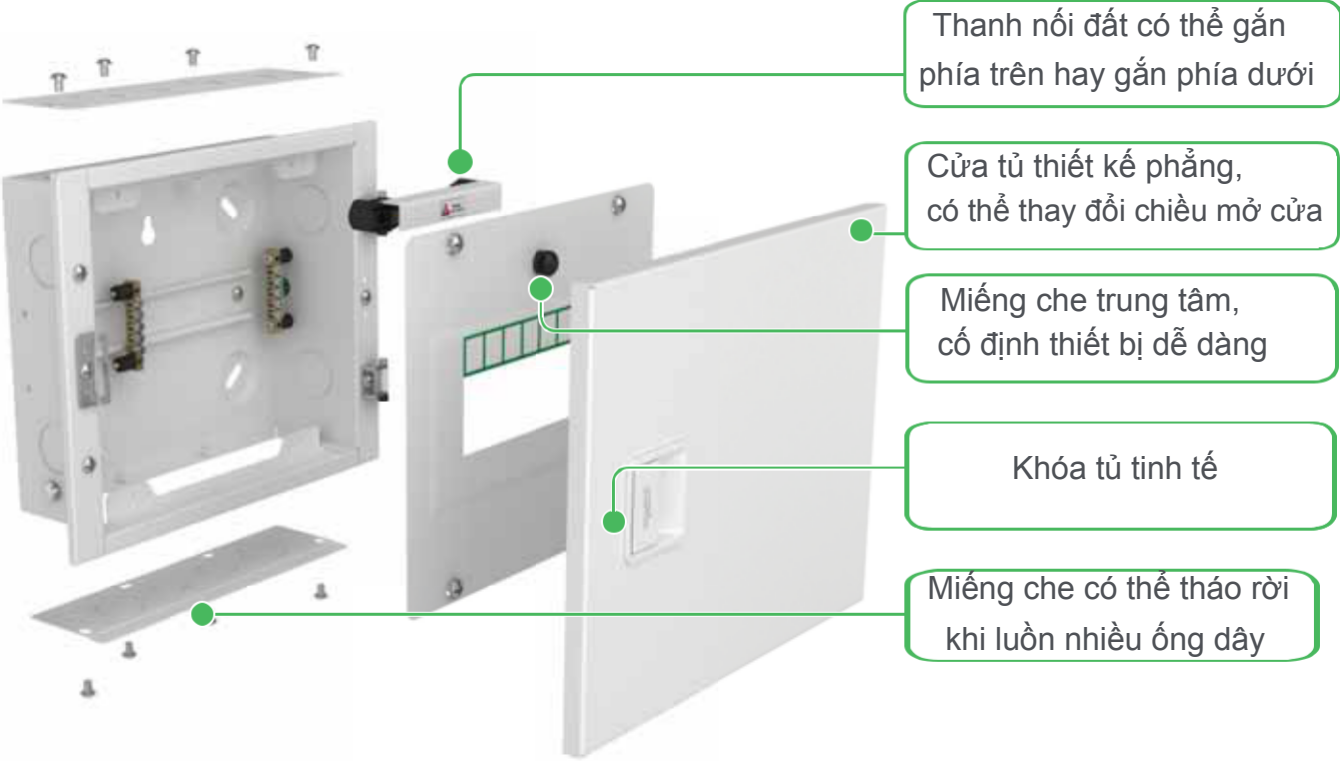


Biến hóa tủ điện, sáng tạo phong cách

Tùy biến mặt tủ dễ dàng
Lắp đặt linh hoạt
Đăng cấp vượt trội



Dễ dàng lắp đặt



TỦ ĐIỆN DÂN DỤNG

Cấp độ bảo vệ IP40
Cấp độ chống va đập cơ khí IK07
Độ cách ly điện: Cấp 2
Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60695-2-11,
IEC 60439-3, IEC 60529,
EN 50102, IEC 60670-24



Tủ điện nhựa âm tường - Mini Pragma



Số module (18mm)	Kích thước (WxHxD)	Cửa trắng	Cửa mở	Đơn giá (VNĐ)
4	150x252x98	MIP22104	MIP22104T	418.000
6	186x252x98	MIP22106	MIP22106T	462.000
8	222x252x98	MIP22108	MIP22108T	539.000
12	294x252x98	MIP22112	MIP22112T	770.000
18	402x252x98	MIP22118	MIP22118T	1.177.000
24	294x377x98	MIP22212	MIP22212T	1.298.000
36	294x502x98	MIP22312	MIP22312T	1.518.000

Tủ điện nhựa nổi - Mini Pragma



Số module (18mm)	Kích thước (WxHxD)	Cửa trắng	Cửa mở	Đơn giá (VNĐ)
4	124x198x95	MIP12104	MIP12104T	407.000
6	160x198x95	MIP12106	MIP12106T	451.000
8	196x228x101.5	MIP12108	MIP12108T	539.000
12	268x228x101.5	MIP12112	MIP12112T	726.000
18	376x228x101.5	MIP12118	MIP12118T	1.177.000
24	268x353x102	MIP12212	MIP12212T	1.331.000
36	267x478x102	MIP12312	MIP12312T	1.562.000

Tủ điện nhựa âm tường - Easy9 box



Số module (18mm)	Kích thước (WxHxD)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
4	136x222x92	EZ9E0104	187.000
8	208x222x92	EZ9E0108	330.000
12	280x222x92	EZ9E0112	451.000

Tủ điện kim loại Acti9



Số module (18mm)	Kích thước (WxHxD)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
4	221x244x98	A9HESN04	660.000
6	257x244x98	A9HESN06	781.000
8	293x244x98	A9HESN08	880.000
12	365x244x98	A9HESN12	1.166.000
16	437x244x98	A9HESN16	1.639.000



Acti9

Đẳng cấp, tính năng vượt trội.
Tuân theo các yêu cầu RoHS,
tiêu chuẩn REACH. Được thiết kế
với tính năng **VisiSafe** và **VisiTrip**

Easy9

Chất lượng, an toàn, giá cạnh tranh.
Được kiểm tra chất lượng bởi các
tổ chức quốc tế.
Đạt chứng chỉ quản lý chất lượng
ISO 9001 và môi trường ISO 14000.



Giải pháp an toàn tuyệt đối cho ngôi nhà của bạn

- Bảo vệ quá tải và ngắn mạch với MCB
- Bảo vệ chống sét lan truyền với SPD
- Bảo vệ dòng rò với RCCB
- Bảo vệ quá tải, ngắn mạch và dòng rò với RCBO

70% số vụ hỏa hoạn do sự cố điện gây ra*

BẠN CÓ BIẾT

Ngắn mạch

Khi dây nóng và dây nguội chạm vào nhau làm phát sinh tia lửa điện

Ví dụ: Dây điện bị chuột cắn đứt vỏ, làm dây nóng chạm với dây nguội



Quá tải

Khi sử dụng các thiết bị điện với công suất lớn hơn công suất nguồn

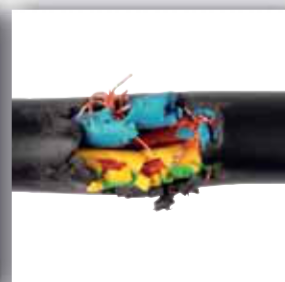
Ví dụ: Ổ cắm có dòng định mức 16A, ta cắm nhiều thiết bị cùng lúc dẫn đến ổ cắm bị quá tải, nóng lên rồi cháy



Dòng rò

Dòng điện bị rò rỉ ra ngoài vỏ thiết bị khi bộ cách điện hỏng hoặc dây dẫn điện bị bong tróc vỏ, đứt gãy

Ví dụ: Dây điện âm trong tường lâu năm bị nứt, khiến điện rò ra tường và nối đất



là những sự cố điện phổ biến nhất, có thể gây hỏa hoạn hoặc giết chết người

Easy9

Chất lượng, an toàn, giá cạnh tranh.
Được kiểm tra chất lượng bởi
các tổ chức quốc tế.
Đạt chứng chỉ quản lý chất lượng
ISO 9001 và môi trường ISO 14000.

Cầu dao tự động Easy9 bao gồm các
chức năng:



Bảo vệ chống dòng quá tải
Bảo vệ chống dòng ngắn mạch



Dấu hiện nhận biết
đóng/ngắt mạch được
in trên cần gạt (O-I)

Cách lựa chọn MCB:

Thiết bị	Công suất tiêu thụ	Dòng điện MCB (A)	Đường cong
 Máy lạnh	4.7 HP	16	"C"
	7.1 HP	20	
	9.5 HP	20	
	14 HP	25	
 Tủ lạnh	165 liters	2	
	285 liters	2	
 Máy xay sinh tố	200 W	1	"C"
 Máy hút bụi	50 W	0.5	
 Máy giặt	300 W	2	"C"
	1.3 KW	10	
 Máy photocopy	1.5 KW	10	"C"
 Máy nước nóng lạnh	500 W	3	



Easy9 MCB 1P, 4.5kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VND)
6A	EZ9F34106	82.500
10A	EZ9F34110	82.500
16A	EZ9F34116	82.500
20A	EZ9F34120	82.500
25A	EZ9F34125	82.500
32A	EZ9F34132	82.500
40A	EZ9F34140	121.000
50A	EZ9F34150	198.000
63A	EZ9F34163	198.000

Easy9 MCB 2P, 4.5kA, 230V, C curve



6A	EZ9F34206	231.000
10A	EZ9F34210	231.000
16A	EZ9F34216	231.000
20A	EZ9F34220	231.000
25A	EZ9F34225	231.000
32A	EZ9F34232	231.000
40A	EZ9F34240	231.000
50A	EZ9F34250	385.000
63A	EZ9F34263	385.000

Easy9 MCB 3P, 4.5kA, 400V, C curve



6A	EZ9F34306	418.000
10A	EZ9F34310	418.000
16A	EZ9F34316	418.000
20A	EZ9F34320	418.000
25A	EZ9F34325	418.000
32A	EZ9F34332	418.000
40A	EZ9F34340	418.000
50A	EZ9F34350	638.000
63A	EZ9F34363	638.000

Easy9 MCB 4P, 4.5kA, 400V, C curve



40A	EZ9F34440	594.000
50A	EZ9F34450	891.000
63A	EZ9F34463	891.000

EASY9 RCCB, RCBO, SPD

Easy9 RCCB 2P/4P [AC type]

Cầu dao chống rò



Dòng điện 30mA 2P	Mã hàng	Mã hàng mới	Đơn giá (VNĐ)
25A	EZ9R36225		770.000
40A	EZ9R36240		814.000
63A	EZ9R36263		858.000
30mA 4P			
25A	EZ9R34425	EZ9R36425	1.111.000
40A	EZ9R34440	EZ9R36440	1.188.000
63A	EZ9R34463	EZ9R36463	1.584.000
300mA 4P			
40A	EZ9R64440	EZ9R66440	1.144.000
63A	EZ9R64463	EZ9R66463	1.309.000

Easy9 RCBO 1P+N 4.5kA 30mA [AC type]

Cầu dao bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
10A	EZ9D34210	649.000
16A	EZ9D34616	649.000
20A	EZ9D34620	649.000
25A	EZ9D34625	759.000
32A	EZ9D34632	759.000
40A	EZ9D34640	759.000

Easy9 SPD Chống sét lan truyền - Loại 2



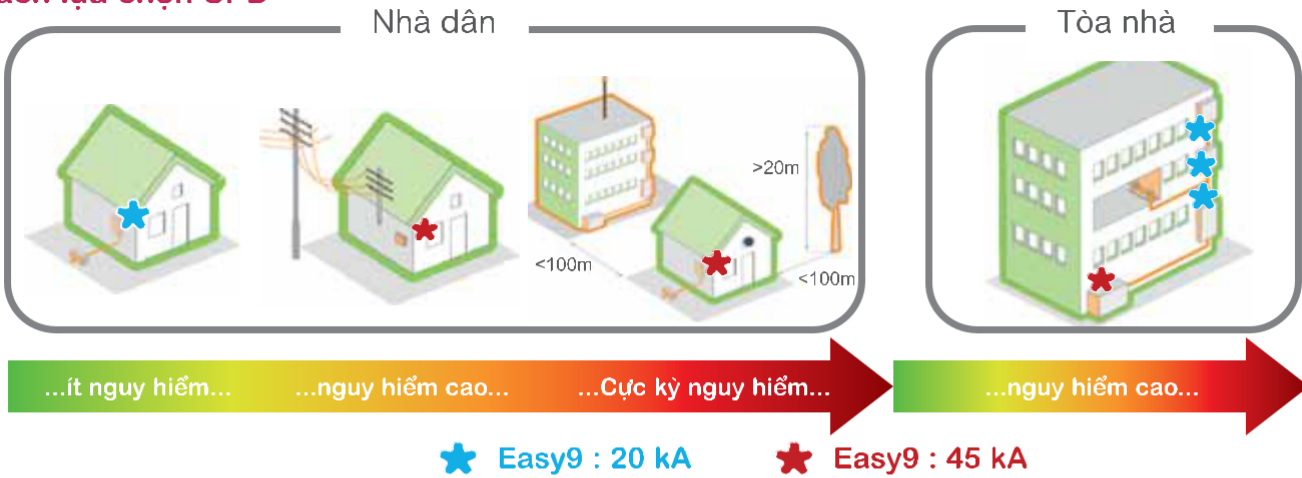
Dòng điện	I _{max} (8/20μs)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1P+N	20kA	EZ9L33620	869.000
3P+N	20kA	EZ9L33720	1.496.000
3P+N	45kA	EZ9L33745	1.551.000

Lựa chọn MCB phối hợp với SPD

Mã hàng
EZ9F34216
EZ9F34440
EZ9F34440

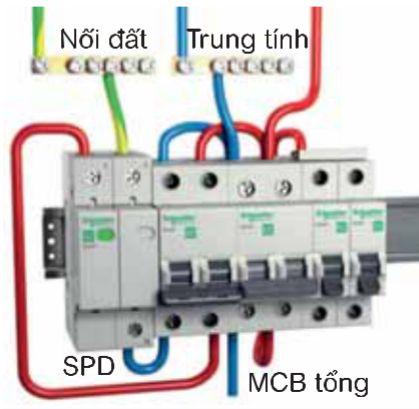
Giá trên đã bao gồm VAT

Cách lựa chọn SPD

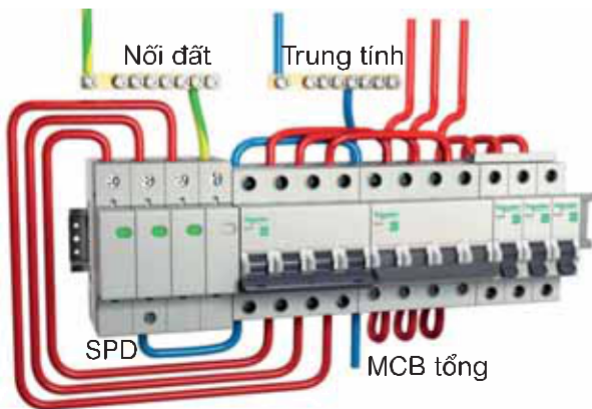


Cách lắp đặt SPD

Mạng điện 1 pha



Mạng điện 3 pha



*Dây tiếp địa có tiết diện dây nhỏ nhất 4mm².
Khi khoảng cách từ SPD đến thiết bị bảo vệ > 10m nên lắp đặt thêm 1 SPD.

Acti9 **Đẳng cấp, tính năng vượt trội**



Tính năng **VisiTrip** với cửa sổ màu đỏ báo hiệu đóng ngắt do sự cố.

Tính năng **VisiSafe** với dây màu xanh báo hiệu các tiếp điểm đã mở hoàn toàn



iK60N MCB 1P, 6kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9K27106	157.300
10A	A9K27110	157.300
16A	A9K27116	157.300
20A	A9K27120	157.300
25A	A9K27125	157.300
32A	A9K27132	157.300
40A	A9K24140	193.600
50A	A9K24150	239.800
63A	A9K24163	239.800

iK60N MCB 2P, 6kA, 230V, C curve



6A	A9K27206	440.000
10A	A9K27210	440.000
16A	A9K27216	440.000
20A	A9K27220	440.000
25A	A9K27225	440.000
32A	A9K27232	440.000
40A	A9K24240	528.000
50A	A9K24250	737.000
63A	A9K24263	737.000

iK60N MCB 3P, 6kA, 400V, C curve



6A	A9K24306	715.000
10A	A9K24310	715.000
16A	A9K24316	715.000
20A	A9K24320	715.000
25A	A9K24325	715.000
32A	A9K24332	715.000
40A	A9K24340	836.000
50A	A9K24350	1.034.000
63A	A9K24363	1.034.000

iK60N MCB 4P, 6kA, 400V, C curve



6A	A9K24406	1.111.000
10A	A9K24410	1.111.000
16A	A9K24416	1.111.000
20A	A9K24420	1.111.000
25A	A9K24425	1.111.000
32A	A9K24432	1.111.000
40A	A9K24440	1.540.000
50A	A9K24450	1.540.000
63A	A9K24463	1.540.000

iC60N MCB 1P, 6kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F74106	187.000
10A	A9F74110	187.000
16A	A9F74116	187.000
20A	A9F74120	187.000
25A	A9F74125	187.000
32A	A9F74132	198.000
40A	A9F74140	231.000
50A	A9F74150	319.000
63A	A9F74163	319.000

iC60N MCB 2P, 6kA, 230V, C curve



6A	A9F74206	517.000
10A	A9F74210	517.000
16A	A9F74216	517.000
20A	A9F74220	528.000
25A	A9F74225	550.000
32A	A9F74232	583.000
40A	A9F74240	660.000
50A	A9F74250	924.000
63A	A9F74263	946.000

6kA, 400V, C curve



6A	A9F74306	781.000
10A	A9F74310	781.000
16A	A9F74316	781.000
20A	A9F74320	781.000
25A	A9F74325	781.000
32A	A9F74332	825.000
40A	A9F74340	946.000
50A	A9F74350	1.331.000
63A	A9F74363	1.331.000

6kA, 400V, C curve



6A	A9F74406	1.144.000
10A	A9F74410	1.144.000
16A	A9F74416	1.144.000
20A	A9F74420	1.199.000
25A	A9F74425	1.254.000
32A	A9F74432	1.331.000
40A	A9F74440	1.595.000
50A	A9F74450	2.057.000
63A	A9F74463	2.057.000

CẦU DAO TỰ ĐỘNG ACTI9 _ MCB iC60H & iC60L

- Dùng trong mạng lưới dân dụng hoặc công nghiệp.
- Tiêu chuẩn IEC 60898, IEC 60947-2
- Điện áp thử nghiệm xung (Uimp) : 6kV
- Đường cong loại C (Đường cong loại B, D xin liên hệ)

Tiêu chuẩn		IEC 947-2				IEC 898		
MCB	1P	100 to 133V		220 to 240V		-	230V	
	2,3,4P	220 to 240V		380 to 415V		440V	400V	
		iC60H	iC60L	iC60H	iC60L	iC60H	iC60L	iC60L
	Dòng điện	0.5 to 4A	70kA 100kA	70kA 100kA	50kA 70kA	10kA 70kA	10kA 15kA	15kA
	6 to 25A	30kA -	15kA 25kA	10kA 20kA	10kA 20kA	10kA 20kA	10kA 15kA	15kA
	32/40A	30kA -	15kA 20kA	10kA 20kA	10kA 15kA	10kA 15kA	10kA 15kA	15kA
	50/63A	-	15kA 15kA	10kA 15kA	10kA 10kA	10kA 10kA	10kA 15kA	15kA

iC60H, 1P, 10kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F84106	330.000
10A	A9F84110	319.000
16A	A9F84116	319.000
20A	A9F84120	341.000
25A	A9F84125	352.000
32A	A9F84132	374.000
40A	A9F84140	429.000
50A	A9F84150	528.000
63A	A9F84163	616.000

iC60L, 1P, 15kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F94106	506.000
10A	A9F94110	506.000
16A	A9F94116	506.000
20A	A9F94120	528.000
25A	A9F94125	550.000
32A	A9F94132	594.000
40A	A9F94140	682.000
50A	A9F94150	836.000
63A	A9F94163	957.000

iC60H, 2P, 10kA, 230V, C curve



6A	A9F84206	1.155.000
10A	A9F84210	1.155.000
16A	A9F84216	1.155.000
20A	A9F84220	1.155.000
25A	A9F84225	1.254.000
32A	A9F84232	1.309.000
40A	A9F84240	1.485.000
50A	A9F84250	1.859.000
63A	A9F84263	2.013.000

15kA, 230V, C curve



6A	A9F94206	1.353.000
10A	A9F94210	1.353.000
16A	A9F94216	1.353.000
20A	A9F94220	1.375.000
25A	A9F94225	1.441.000
32A	A9F94232	1.496.000
40A	A9F94240	1.683.000
50A	A9F94250	1.925.000
63A	A9F94263	2.079.000

iC60H, 3P, 10kA, 400V, C curve



6A	A9F84306	1.738.000
10A	A9F84310	1.738.000
16A	A9F84316	1.738.000
20A	A9F84320	1.826.000
25A	A9F84325	1.892.000
32A	A9F84332	2.002.000
40A	A9F84340	2.233.000
50A	A9F84350	2.783.000
63A	A9F84363	3.058.000

15kA, 400V, C curve



6A	A9F94306	1.804.000
10A	A9F94310	1.804.000
16A	A9F94316	1.804.000
20A	A9F94320	1.892.000
25A	A9F94325	1.980.000
32A	A9F94332	2.090.000
40A	A9F94340	2.376.000
50A	A9F94350	2.970.000
63A	A9F94363	3.278.000

iC60H, 4P, 10kA, 400V, C curve



6A	A9F84406	2.475.000
10A	A9F84410	2.475.000
16A	A9F84416	2.475.000
20A	A9F84420	2.629.000
25A	A9F84425	2.750.000
32A	A9F84432	2.871.000
40A	A9F84440	3.267.000
50A	A9F84450	3.828.000
63A	A9F84463	4.114.000

iC60L, 4P, 15kA, 400V, C curve



6A	A9F94406	2.728.000
10A	A9F94410	2.728.000
16A	A9F94416	2.728.000
20A	A9F94420	2.750.000
25A	A9F94425	2.805.000
32A	A9F94432	2.981.000
40A	A9F94440	3.344.000
50A	A9F94450	4.026.000
63A	A9F94463	4.268.000

CẦU DAO TỰ ĐỘNG ACTI9 _ MCB C120N & C120H

- Dùng trong mạng lưới dân dụng hoặc công nghiệp.
- Tiêu chuẩn IEC 60898, IEC 60947-2
- Điện áp thử nghiệm xung (Uimp) : 6kV
- Đường cong loại C (Đường cong loại B, D xin liên hệ)

Tiêu chuẩn	Loại	Điện áp (VAC)	C120N Icu(kA)	C120H Icu(kA)
As IEC898	1P	230/240	10	15
	2,3,4P	400/415	10	15
As IEC947-2	1P	220/240	10	15
	2,3,4P	220/240	20	30
		380/415	10	15

C120N, 1P, 10kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63A	A9N18356	1.045.000
80A	A9N18357	1.122.000
100A	A9N18358	1.210.000
125A	A9N18359	1.287.000

C120H, 1P, 15kA, 230V, C curve



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63A	A9N18445	1.133.000
80A	A9N18446	1.210.000
100A	A9N18447	1.298.000
125A	A9N18448	1.386.000

C120N, 2P, 10kA, 230V, C curve



63A	A9N18360	2.222.000
80A	A9N18361	2.354.000
100A	A9N18362	2.541.000
125A	A9N18363	2.728.000

C120H, 2P, 15kA, 230V, C curve



63A	A9N18456	2.387.000
80A	A9N18457	2.475.000
100A	A9N18458	2.662.000
125A	A9N18459	2.860.000

C120N, 3P, 10kA, 400V, C curve



63A	A9N18364	3.432.000
80A	A9N18365	3.542.000
100A	A9N18367	3.718.000
125A	A9N18369	3.817.000

C120H, 3P, 15kA, 400V, C curve



63A	A9N18467	3.707.000
80A	A9N18468	3.828.000
100A	A9N18469	4.015.000
125A	A9N18470	4.081.000

C120N, 4P, 10kA, 400V, C curve



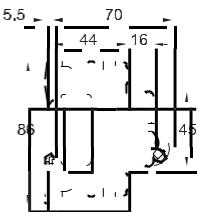
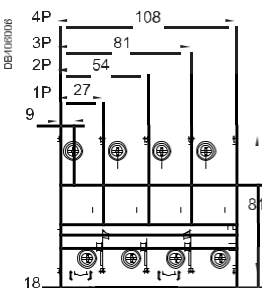
A9N18371	63A	4.444.000
A9N18372	80A	4.455.000
A9N18374	100A	4.587.000
A9N18376	125A	4.873.000

C120HL, 4P, 15kA, 400V, C curve



A9N18478	63A	4.763.000
	80A	4.818.000
	100A	4.961.000
	125A	5.269.000

Kích thước (mm)



CẦU DAO TỰ ĐỘNG ACTI9 **RCCB, RCBO, SPD**
THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN **ACTI9**

iIDK 2P



iID 4P



RCBO 1P+N



Acti9 - RCCB

Cầu dao chống dòng rò

Acti9 - RCBO

Cầu dao bảo vệ quá tải,
ngắn mạch và chống dòng rò

iPRF1 - 1P+N



iPRD - 1P



iPF K - 1P+N



Thiết bị chống sét lan truyền

iID K - 30mA, 240-415 V, AC Type



Số cực	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
2P	25A	A9R50225	1.221.000
2P	40A	A9R50240	1.287.000
4P	25A	A9R50425	1.980.000
4P	40A	A9R50440	2.090.000
4P	63A	A9R70463	3.542.000

iID - 30mA, 240-415V, AC Type



2P	25A	A9R71225	1.474.000
2P	40A	A9R71240	1.551.000
2P	63A	A9R71263	2.651.000
2P	100A	A9R11291	4.367.000
4P	40A	A9R71440	2.497.000
4P	63A	A9R71463	4.246.000

iID - 300mA, 240-415V, AC Type



2P	25A	A9R74225	1.628.000
2P	40A	A9R74240	1.782.000
2P	63A	A9R74263	1.859.000
4P	40A	A9R74440	2.442.000
4P	63A	A9R74463	2.970.000
4P	100A	A9R14491	4.895.000

RCBO - 1P+N, 6kA, 30mA



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9D31606	2.024.000
10A	A9D31610	2.024.000
16A	A9D31616	2.024.000
20A	A9D31620	2.024.000
25A	A9D31625	2.222.000
32A	A9D31632	2.222.000
40A	A9D31640	2.222.000

Thiết bị chống sét lan truyền Acti 9 - iPRF1, loại 1 + 2

Số cực	Iimp (kA) (10/350µs)	I _{max} (kA) (8/20µs)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1P+N	12.5/50 N/PE	50kA	A9L16632	12.353.000
3P	12.5	50kA	A9L16633	18.293.000
	12.5/50 N/PE	50kA	A9L16634	22.869.000

	I _{max} (kA) (8/20µs)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
--	-----------------------------------	---------	---------------

iPRD loại 2, 1P/1P+N, 230V, Draw-out

	8kA	A9L08100	1.848.000
1P	20kA	A9L20100	1.980.000
1P	40kA	A9L40100	2.112.000
1P	65kA	A9L65101	2.596.000
1P+N	8kA	A9L08500	2.772.000
1P+N	20kA	A9L20500	3.300.000
1P+N	40kA	A9L40500	3.531.000
1P+N	65kA	A9L65501	4.609.000

iPRD loại 2, 3P+N, 400V, Draw-out

3P+N	20kA	A9L20600	6.589.000
3P+N	40kA	A9L40600	7.579.000
	65kA	A9L65601	9.163.000

chống sét lan truyền Acti 9 - iPF K, loại 2, & 3P+N, Fixed

	I _{max} (kA) (8/20µs)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
iPF K loại 2, 1P, 230V, Fixed			
1P	20kA	A9L15691	1.815.000
1P	40kA	A9L15686	1.936.000
iPF K loại 2, 1P+N, 230V, Fixed			
	20kA	A9L15692	3.025.000
1P+N	40kA	A9L15687	3.234.000
iPF K loại 2, 3P+N, 400V, Fixed			
3P+N	20kA	A9L15693	6.105.000
3P+N	40kA	A9L15688	7.326.000
3P+N	65kA	A9L15586	7.403.000

KHỞI ĐỘNG TỪ VÀ RƠ LE ĐIỀU KHIỂN ACTI9

iCT 25A 1P



iCT 25A 3P



iTL 2P



Khởi động từ Acti9 iCT

Rơ le điều khiển bằng tín hiệu xung

■ Contactor iCT, 1P, điện áp cuộn dây 230/240VAC

Loại	Dòng điện (A)	Số mô-đun 9mm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1NO	25	2	A9C20731	781.000

■ Contactor iCT, 2P, điện áp cuộn dây 24VAC

2NO	25	2	A9C20132	1.023.000
2NO	63	4	A9C20162	2.464.000

■ Contactor iCT, 2P, điện áp cuộn dây 230/240VAC

1NO+1NC	16	2	A9C22715	913.000
2NO	16	2	A9C22712	869.000
2NO	25	2	A9C20732	1.188.000
2NC	25	2	A9C20736	979.000
2NO	40	4	A9C20842	1.430.000
2NO	63	4	A9C20862	2.145.000
2NO	100	6	A9C20882	5.808.000

■ Contactor iCT, 3P, điện áp cuộn dây 230/240VAC

Loại	Dòng điện (A)	Width in mod. of 9mm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
3NO	25	4	A9C20833	1.078.000
3NO	40	6	A9C20843	1.716.000
3NO	63	6	A9C20863	2.574.000

■ Contactor iCT, 4P, điện áp cuộn dây 24VAC

4NO	25	4	A9C20134	1.441.000
4NC	25	4	A9C20137	1.650.000
4NO	63	6	A9C20164	3.454.000
4NC	63	6	A9C20167	3.949.000

■ Contactor iCT, 4P, điện áp cuộn dây 230/240VAC

4NO	25	4	A9C20834	1.254.000
4NC	25	4	A9C20837	1.430.000
2NO+2NC	25	4	A9C20838	1.342.000
4NO	40	6	A9C20844	1.903.000
4NC	40	6	A9C20847	2.288.000
4NO	63	6	A9C20864	2.860.000
4NC	63	6	A9C20867	3.432.000
2NO+2NC	63	6	A9C20868	3.223.000
4NO	100	12	A9C20884	8.129.000

■ Phụ kiện của iCT - tấm cách giữa 2 contactor (lotsize: 5 cái)

Số mô-đun 9mm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1	A9A27062	385.000

■ Rơ le Ac điều khiển bằng tín hiệu xung, iTL, ON-OFF switch

		Số cực	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1NO	16	1P	A9C30811	462.000
2NO	16	2P	A9C30812	715.000
		1P	A9C30831	847.000

■ Rơ le Acti 9 điều khiển bằng tín hiệu xung, iTLI, changeover switch

		Số cực	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1NO + 1NC	16	1P	A9C30815	946.000

■ Mô-đun mở rộng cho Acti 9 iTL và iTLI

16	2P	A9C32816	1.111.000
32	1P	A9C32836	847.000

■ Rơ le Acti 9 điều khiển bằng tín hiệu xung, iTLc/iTLs

iTLc	16	1P	A9C33811	1.166.000
		1P	A9C32811	847.000

dùng vách ngăn giữa các contactor khi contactor trong tủ có nhiệt độ từ 50° và 60°C

Ứng dụng Công nghiệp: IEC 60947.4 Dân dụng: IEC 61095

AC3 AC7b
AC1 AC7a
AC5a and b AC5a and b

MCCB - EasyPact EZS100E/F

- Bảo vệ bằng trip từ nhiệt TMD
- Trip unit loại fix (không chỉnh định)
- Lắp đặt kiểu cố định
- Dùng chung một vài phụ kiện với EZC100



(mm)	3P	4P
Rộng (W)	75	100
Cao (H)	130	130
Sâu (D)	60	60

EZS100E 3P (25kA @380/415V)

Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	EZS100E3016	1.644.500
20	EZS100E3020	1.644.500
25	EZS100E3025	1.644.500
32	EZS100E3032	1.644.500
40	EZS100E3040	1.644.500
50	EZS100E3050	1.644.500
63	EZS100E3063	1.644.500
80	EZS100E3080	1.644.500
100	EZS100E3100	1.644.500



EZS100E 4P (25kA @380/415V)

Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	EZS100E4016	2.219.800
20	EZS100E4020	2.219.800
25	EZS100E4025	2.219.800
32	EZS100E4032	2.219.800
40	EZS100E4040	2.219.800
50	EZS100E4050	2.219.800
63	EZS100E4063	2.219.800
80	EZS100E4080	2.219.800
100	EZS100E4100	2.219.800

EZS100F 3P (30kA @380/415V)

Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	EZS100F3016	1.846.900
20	EZS100F3020	1.846.900
25	EZS100F3025	1.846.900
32	EZS100F3032	1.846.900
40	EZS100F3040	1.846.900
50	EZS100F3050	1.846.900
63	EZS100F3063	1.966.800
80	EZS100F3080	1.966.800
100	EZS100F3100	1.966.800



EZS100F 4P (30kA @380/415V)

Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	EZS100F4016	2.308.900
20	EZS100F4020	2.308.900
25	EZS100F4025	2.308.900
32	EZS100F4032	2.308.900
40	EZS100F4040	2.308.900
50	EZS100F4050	2.308.900
63	EZS100F4063	2.308.900
80	EZS100F4080	2.308.900
100	EZS100F4100	2.308.900

EZS100 Accessories & auxiliaries

Mô tả	Điện áp (Vac)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Alarm switch (AL)		EZAUX01	800.800
Auxiliary switch (AX)		EZAUX10	800.800
Auxiliary switch + alarm switch (AX + AL)		EZAUX11	1.335.400
Shunt trip (SHT)	100 - 130V	EZASHT100AC	1.578.500
	200 - 277V	EZASHT200AC	1.578.500
Under voltage release (UVR)	110 - 130V	EZAUVR110AC	2.060.300
	200 - 240V	EZAUVR200AC	2.060.300
Phase barriers		EZAFASB2	136.400
Terminal shields	3P	EZATSHD3P	231.000
	4P	EZATSHD4P	490.600
Direct rotary handle (black)		EZAROTDS	1.205.600
Extended rotary handle (black)		EZAROTE	2.086.700

MCCB - EasyPact EZS160/250E/F EZS400/630F/N

- Bảo vệ bằng trip từ nhiệt TMD
- Trip unit loại fix (không chỉnh định)
- Lắp đặt kiểu cố định
- Dùng chung một vài phụ kiện với CVS

	EZS100/160		EZS400/6300	
(mm)	3P	4P	3P	4P
Rộng (W)	105	140	140	185
Cao (H)	161	161	255	255
Sâu (D)	86	86	110	110

EZS160E/250E 3P (25kA @380/415V)



Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
100	EZS160E3100	2.553.100
125	EZS160E3125	2.775.300
160	EZS160E3160	3.329.700
200	EZS250E3200	4.209.700
225	EZS250E3225	4.209.700
250	EZS250E3250	4.209.700

EZS160E/250E 4P (25kA @380/415V)

Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
100	EZS160E4100	2.997.500
125	EZS160E4125	3.746.600
160	EZS160E4160	4.495.700
200	EZS250E4200	5.683.700
225	EZS250E4225	5.683.700
250	EZS250E4250	5.683.700

EZS160F/250F 3P (36kA @380/415V)



Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
100	EZS160F3100	2.783.000
125	EZS160F3125	3.025.000
160	EZS160F3160	3.630.000
200	EZS250F3200	4.589.200
225	EZS250F3225	4.589.200
250	EZS250F3250	4.589.200

EZS160F/250F 4P (36kA @380/415V)

Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
100	EZS160F4100	3.267.000
125	EZS160F4125	4.083.200
160	EZS160F4160	4.900.500
200	EZS250F4200	6.195.200
225	EZS250F4225	6.195.200
250	EZS250F4250	6.195.200

EZS400F/630F 3P (36kA @380/415V)



Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
315	EZS400F3315	5.471.400
350	EZS400F3350	5.471.400
400	EZS400F3400	5.471.400
500	EZS630F3500	7.260.000
600	EZS630F3600	7.260.000

EZS400F/630F 4P (36kA @380/415V)

Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
100	EZS400F4315	7.386.500
125	EZS400F4350	7.386.500
160	EZS400F4400	7.386.500
200	EZS630F4500	9.801.000
225	EZS630F4600	9.801.000

EZS400N/630N 3P (50kA @380/415V)



Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
315	EZS400N3315	5.923.500
350	EZS400N3350	5.923.500
400	EZS400N3400	5.923.500
500	EZS630N3500	7.859.500
600	EZS630N3600	7.859.500

EZS400N/630N 4P (50kA @380/415V)

Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
315	EZS400N4315	7.780.300
350	EZS400N4350	7.780.300
400	EZS400N4400	7.780.300
500	EZS630N4500	10.609.500
600	EZS630N4600	10.609.500

Accessories & auxiliaries

Auxiliary contacts OF/SD

Voltage releases MX

110-130 Vac

220-240 Vac

24Vdc

Voltage releases MN

110-130 Vac

220-240 Vac

24Vdc

Direct rotary handle (black)

Extended rotary handle (black)

Interphase barrier (set of 6)

EZS160/250 Accessories

29450

LV429386

LV429387

LV429390

LV429406

LV429407

LV429410

LV429337

LV429338

LV429329

788.700

1.676.400

1.743.500

1.743.500

1.676.400

2.528.900

1.635.700

1.161.600

2.396.900

397.100

EZS400/630 Accessories

29450

LV429386

LV429387

LV429390

LV429406

LV429407

LV429410

LV432597

LV432598

LV432570

788.700

1.676.400

1.743.500

1.743.500

1.676.400

2.528.900

1.635.700

2.125.200

3.689.400

557.700

ACB- EasyPact EVS 800-4000A

- Bảo vệ bằng trip điện tử ET
 - Trip unit chỉnh định từ 0.4 -1
 - Lắp đặt kiểu cố định/ rút kéo
 - Dùng chung một vài phụ kiện với EasyPact MVS
- Ui: 1000Vac

Ue: 690Vac

Icu: 65kA@440Vac

Icu = Ics = Icw @1s

EasyPact EVS Fix type 65KA with Trip System ET2I



3P			4P		
Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	
800	EVS08H3MF20	71.228.300	EVS08H4MF20	81.336.200	
1000	EVS10H3MF20	72.668.200	EVS10H4MF20	85.174.100	
1250	EVS12H3MF20	74.429.300	EVS12H4MF20	90.644.400	
1600	EVS16H3MF20	76.733.800	EVS16H4MF20	92.079.900	
2000	EVS20H3MF20	85.717.500	EVS20H4MF20	102.280.200	
2500	EVS25H3MF20	97.450.100	EVS25H4MF20	108.445.700	
3200	EVS32H3MF20	112.821.500	EVS32H4MF20	133.515.800	
4000	EVS40H3MF20	177.592.800	EVS40H4MF20	216.780.300	

EasyPact EVS Drawout type 65KA with Trip System ET 2I



3P			4P		
Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	
800	EVS08H3MW20	89.784.200	EVS08H4MW20	98.715.100	
1000	EVS10H3MW20	90.303.400	EVS10H4MW20	100.779.800	
1250	EVS12H3MW20	93.614.400	EVS12H4MW20	103.900.500	
1600	EVS16H3MW20	99.572.000	EVS16H4MW20	106.158.800	
2000	EVS20H3MW20	110.064.900	EVS20H4MW20	124.037.100	
2500	EVS25H3MW20	116.660.500	EVS25H4MW20	130.193.800	
3200	EVS32H3MW20	130.815.300	EVS32H4MW20	154.100.100	
4000	EVS40H3MW20	257.799.300	EVS40H4MW20	319.668.800	



Trip Unit ET2I

EASYPACT EVS ACCESSORIES

Phụ kiện để điều khiển từ xa và phụ kiện chassis
Auxiliaries for remote operation & chassis accessories

Auxiliaries for remote operation & chassis accessories.

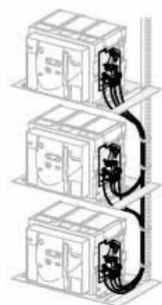
Electrical auxiliaries for Easypact EVS		FIXED		DRAWOUT	
Description	Voltage	Reference	Unit Price	Reference	Unit Price
Motor mechanism (MCH)	220 VAC	48212	25.119.600	48527	25.119.600
	380/480 VAC	48214	25.119.600	48529	25.119.600
	24 VDC	48206	25.119.600	48521	25.119.600
Closing release (XF)	220 VAC/VDC	MVS21803	8.992.500	MVS21804	8.992.500
	380/480 VAC	MVS21805	8.992.500	MVS21806	8.992.500
	24 VAC/DC	47350	9.218.000	48481	9.218.000
Opening release (MX)	220 VAC	47363	9.218.000	48494	9.218.000
	380/480 VAC	47365	9.218.000	48496	9.218.000
	24 VAC/DC	47360	9.218.000	48491	9.218.000
Ready to close contact (PF)	5A - 240V	47342	2.499.200	48469	2.499.200
Undervoltage Trip (MN)	220/250 VAC	47383	9.218.000	48504	9.218.000
	380/480 VAC	47385	9.218.000	48506	9.218.000
	24 VDC	47380	9.218.000	48501	9.218.000
Time delay	220/240 VAC	33682	8.356.700	33682	8.356.700
	1 connected position contact (CE)			33751	1.118.700
	1 test position contact (CD)			33752	1.118.700
	1 disconnect position contact (CT)			33753	1.118.700

Escutcheon and accessories		Mã hàng		Mã hàng	
Escutcheon		48601	1.432.200	48603	1.672.000
Transparent cover (P54)		-		48604	14.504.600
Escutcheon blanking plate		48605	3.011.800	48605	3.011.800

Interlocking for source changeover system for 2 devices

		Mã hàng
Interlocking using Cable		
Choose 2 adaptation fixtures (1 for each breaker)+ 1 set of Cable		
Adaptation for EVS fixed devices	47926	7.209.400
Adaptation for EVS drawout devices	47926	7.209.400
Set of Cable	33209	5.148.000

Interlocking of ATS 3 devices

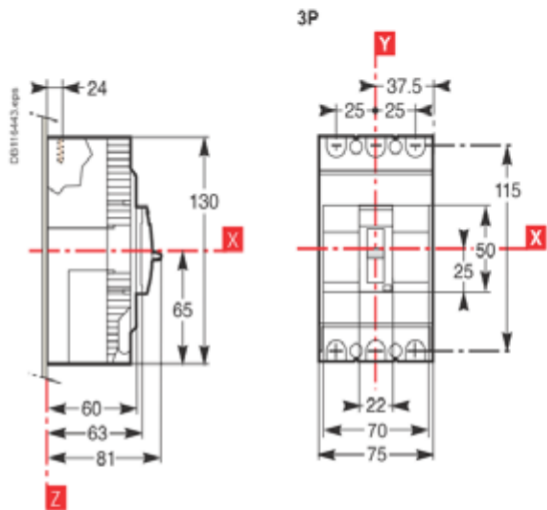


		Mã hàng
Interlocking using Cable		
1 complete set of 3 adaptaton fixtures + 1 set of Cable		
3 sources, only 1 device closed, fixed or drawout	48610	39.253.500
2 sources, 1 coupling, fixed or drawout	48609	39.253.500
2 normal, 1 replacement source, fixed or drawout	48608	39.253.500

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI MCCB EASYPACT EZC100

Easypact EZC100

- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 60947-2, JIS C 8201, NEMA AB1
- Dòng cắt ngắn mạch tại 415V: 7.5, 10, 15, 30kA
- Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt
- Dòng điện định mức từ 15 đến 100A



EasyPact EZC100, 3P Type B , Icu=7.5kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
15A	EZC100B3015	1.543.300
20A	EZC100B3020	1.543.300
25A	EZC100B3025	1.543.300
30A	EZC100B3030	1.543.300
40A	EZC100B3040	1.543.300
50A	EZC100B3050	1.543.300
60A	EZC100B3060	1.641.200
75A	-	
80A	-	
100A	-	

EasyPact EZC100, 3P, Type F , Icu=10kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
15A	EZC100F3015	1.608.200
20A	EZC100F3020	1.608.200
25A	EZC100F3025	1.608.200
30A	EZC100F3030	1.608.200
40A	EZC100F3040	1.608.200
50A	EZC100F3050	1.608.200
60A	EZC100F3060	1.778.700
75A	EZC100F3075	1.778.700
80A	EZC100F3080	1.778.700
100A	EZC100F3100	1.944.800

EasyPact EZC100, 3P, Type N , Icu=15kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
15A	EZC100N3015	2.114.200
20A	EZC100N3020	2.114.200
25A	EZC100N3025	2.114.200
30A	EZC100N3030	2.114.200
40A	EZC100N3040	2.114.200
50A	EZC100N3050	2.114.200
60A	EZC100N3060	2.311.100
75A	EZC100N3075	2.311.100
80A	EZC100N3080	2.311.100
100A	EZC100N3100	2.311.100

EasyPact EZC100, 3P, Type H , Icu=30kA / 415V

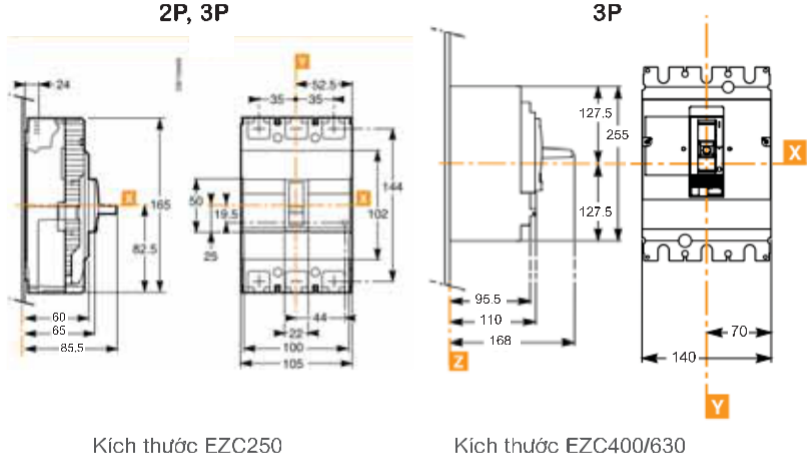
điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
15A	EZC100H3015	2.684.000
20A	EZC100H3020	2.684.000
25A	EZC100H3025	2.684.000
30A	EZC100H3030	2.684.000
40A	EZC100H3040	2.684.000
50A	EZC100H3050	2.684.000
60A	EZC100H3060	2.951.300
75A	EZC100H3075	2.951.300
80A	EZC100H3080	2.951.300
100A	EZC100H3100	2.951.300

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI MCCB EASYPACT Ezc250 Ezc400/630

Easycompact Ezc250 & Ezc400/630



- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 60947-2, JIS C 8201, NEMA AB1
- Dòng cắt ngắn mạch tại 415V: 18, 25, 36, 50kA
- Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt
- Dòng điện định mức từ 100-600A



Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
EasyPact Ezc250, 3P, Type F , Icu=18kA / 415V		
100A	Ezc250F3100	3.580.500
125A	Ezc250F3125	3.829.100
150A	Ezc250F3150	4.677.200
160A	Ezc250F3160	4.677.200
175A	Ezc250F3175	4.939.000
200A	Ezc250F3200	5.370.200
225A	Ezc250F3225	5.370.200
250A	Ezc250F3250	5.370.200

EasyPact Ezc250, 3P, Type H , Icu=36kA / 415V		
63A	-	
80A	-	
100A	Ezc250H3100	3.829.100
125A	Ezc250H3125	4.544.100
150A	Ezc250H3150	5.571.500
160A	Ezc250H3160	5.571.500
175A	Ezc250H3175	6.727.600
200A	Ezc250H3200	6.727.600
225A	Ezc250H3225	6.727.600
250A	Ezc250H3250	6.727.600

EasyPact Ezc400/630, 3P type N, Icu=36kA/415V		
320	Ezc400N3320N	8.028.900
350	Ezc400N3350N	8.028.900
400	Ezc400N3400N	8.028.900
400	Ezc630N3400N	9.730.600
500	Ezc630N3500N	9.730.600
600	Ezc630N3600N	9.730.600

EasyPact Ezc400/630, 3P type H, Icu=50kA/415V		
320	Ezc400H3320N	8.814.300
350	Ezc400H3350N	8.814.300
400	Ezc400H3400N	8.814.300
400	Ezc630H3400N	10.897.700
500	Ezc630H3500N	10.897.700
600	Ezc630H3600N	10.897.700

EasyPact Ezc250, 3P Type N , Icu=25kA / 415V		
100A	Ezc250N3100	3.732.300
125A	Ezc250N3125	4.204.200
150A	Ezc250N3150	5.131.500
160A	Ezc250N3160	5.131.500
175A	Ezc250N3175	5.324.000
200A	Ezc250N3200	6.059.900
225A	Ezc250N3225	6.059.900
250A	Ezc250N3250	6.059.900

EasyPact Ezc250, 4P, Type N , Icu=25kA / 415V		
63A	Ezc250N4063	4.837.800
80A	Ezc250N4080	4.837.800
100A	Ezc250N4100	4.837.800
125A	Ezc250N4125	6.069.800
150A	Ezc250N4150	7.283.100
160A	Ezc250N4160	7.283.100
175A	Ezc250N4175	7.891.400
200A	Ezc250N4200	8.036.600
225A	Ezc250N4225	8.036.600
250A	Ezc250N4250	8.036.600

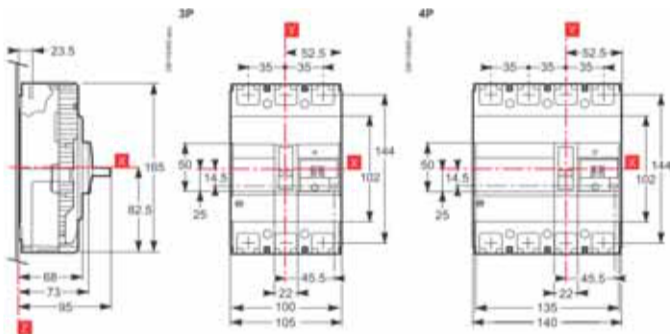
EasyPact Ezc400/630, 4P type N, Icu=36kA/415V		
320	Ezc400N4320N	9.648.100
350	Ezc400N4350N	9.648.100
400	Ezc400N4400N	10.032.000
400	Ezc630N4400N	13.620.200
500	Ezc630N4500N	13.620.200
600	Ezc630N4600N	13.620.200

EasyPact Ezc400/630, 4P type H, Icu=50kA/415V		
320	Ezc400H4320N	10.323.500
350	Ezc400H4350N	10.323.500
400	Ezc400H4400N	10.734.900
400	Ezc630H4400N	14.573.900
500	Ezc630H4500N	14.573.900
600	Ezc630H4600N	14.573.900

THIẾT BỊ CHỐNG DÒNG RÒ EASYPACT ELCB

Easypact EZCV250

- Bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò
- Dòng rò có thể chỉnh được: 0.1/0.3/0.5/1A
- Dòng điện định mức từ 63-250A



EasyPact EZCV250, 3P type N, Icu=25kA/ 415VAC
Độ nhạy chỉnh định từ 0.1 đến 1A

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63	EZCV250N3063	9.031.000
80	EZCV250N3080	9.031.000
100	EZCV250N3100	9.031.000
125	EZCV250N3125	9.454.500
150	EZCV250N3150	11.051.700
160	EZCV250N3160	11.051.700
175	EZCV250N3175	11.973.500
200	EZCV250N3200	13.040.500
225	EZCV250N3225	13.040.500
250	EZCV250N3250	13.040.500

EasyPact EZCV250, 4P type N, Icu=25kA/ 415VAC
Độ nhạy chỉnh định từ 0.1 đến 1A

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63	EZCV250N4063	11.554.400
80	EZCV250N4080	11.554.400
100	EZCV250N4100	11.554.400
125	EZCV250N4125	13.358.400
150	EZCV250N4150	15.208.600
160	EZCV250N4160	15.208.600
175	EZCV250N4175	17.639.600
200	EZCV250N4200	19.262.100
225	EZCV250N4225	19.262.100
250	EZCV250N4250	19.262.100

EasyPact EZCV250 , 3P type H Icu=36kA/ 415VAC
Độ nhạy chỉnh định từ 0.1 đến 1A

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63	EZCV250H3063	10.047.400
80	EZCV250H3080	10.047.400
100	EZCV250H3100	10.047.400
125	EZCV250H3125	11.693.000
150	EZCV250H3150	13.885.300
160	EZCV250H3160	13.885.300
175	EZCV250H3175	17.162.200
200	EZCV250H3200	17.162.200
225	EZCV250H3225	17.162.200
250	EZCV250H3250	17.162.200

EasyPact EZCV250, 4P type H, Icu=36kA/ 415VAC
Độ nhạy chỉnh định từ 0.1 đến 1A

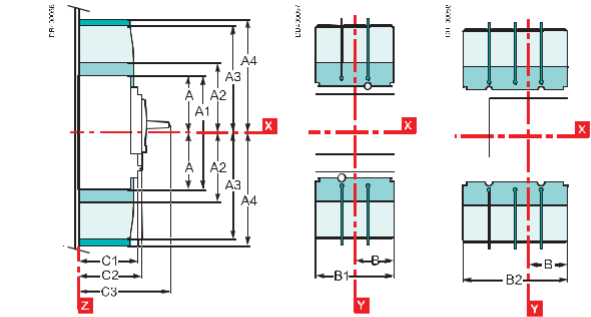
Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63	EZCV250H4063	12.560.900
80	EZCV250H4080	12.560.900
100	EZCV250H4100	12.560.900
125	EZCV250H4125	14.614.600
150	EZCV250H4150	16.440.600
160	EZCV250H4160	16.440.600
175	EZCV250H4175	21.382.900
200	EZCV250H4200	21.382.900
225	EZCV250H4225	21.382.900
250	EZCV250H4250	21.382.900

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI MCCB Easycompact CVS



Easycompact CVS100-630A

- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 947-2
- Trip unit có thể chỉnh định được từ 0.7 đến 1 (loại từ nhiệt TMD)
- Dòng định mức từ 16A đến 600A
- $I_{cs} = 100\% I_{cu}$
- Dùng chung một số phụ kiện với Compact NSX



Type	A	A1	A2	A3	A4	B	B1	B2	C1	C2	C3
CVS100/160/250	60.5	161	94	145	178.5	52.5	105	140	81	86	126
CVS400/630	127.5	255	142.5	200	237	70	140	185	95.5	110	168

EasyPact CVS100/250, 3P, Type B, Icu=25kA / 415V

Loại	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
CVS100B	16	LV510300	2.851.200
	25	LV510301	2.851.200
	32	LV510302	2.851.200
	40	LV510303	2.851.200
	50	LV510304	2.851.200
	63	LV510305	2.851.200
	80	LV510306	2.880.900
CVS160B	100	LV510307	2.880.900
	125	LV516302	3.644.300
CVS250B	160	LV516303	4.633.200
	200	LV525302	5.410.900
	250	LV525303	6.068.700

EasyPact CVS100/250, 4P, Type B, Icu=25kA / 415V

Loại	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
CVS100B	16	LV510310	3.809.300
	25	LV510311	3.809.300
	32	LV510312	3.809.300
	40	LV510313	3.809.300
	50	LV510314	3.809.300
	63	LV510315	3.809.300
	80	LV510316	4.029.300
CVS160B	100	LV510317	4.029.300
	125	LV516312	5.481.300
CVS250B	160	LV516313	6.238.100
	200	LV525312	7.486.600
	250	LV525313	8.485.400

EasyPact CVS100/630, 3P, Type F, Icu=36kA / 415V

Loại	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
CVS100F	16	LV510330	2.960.100
	25	LV510331	2.960.100
	32	LV510332	2.960.100
	40	LV510333	2.960.100
	50	LV510334	2.960.100
	63	LV510335	2.960.100
	80	LV510336	3.070.100
CVS160F	100	LV510337	3.070.100
	125	LV516332	3.946.800
CVS250F	160	LV516333	4.987.400
	200	LV525332	6.111.600
CVS400F	250	LV525333	6.827.700
	320	LV540305	10.315.800
CVS630F	400	LV540306	10.858.100
	500	LV563305	13.979.900
	600	LV563306	16.131.500

CVS100/630, 4P, Type F, Icu=36kA / 415V

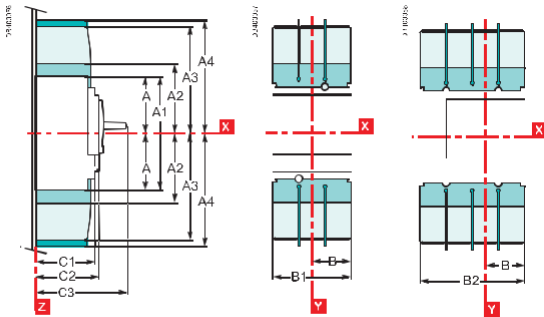
Loại	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
CVS100F	16	LV510340	4.109.600
	25	LV510341	4.109.600
	32	LV510342	4.109.600
	40	LV510343	4.109.600
	50	LV510344	4.109.600
	63	LV510345	4.109.600
	80	LV510346	4.385.700
CVS160F	100	LV510347	4.385.700
	125	LV516342	5.765.100
CVS250F	160	LV516343	6.781.500
	200	LV525342	8.509.600
CVS400F	250	LV525343	9.641.500
	320	LV540308	11.943.800
CVS630F	400	LV540309	13.302.300
	500	LV563308	17.476.800
	600	LV563309	18.552.600

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI MCCB Easycompact CVS



Easycompact CVS100-630A

- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 947-2
- Trip unit có thể chỉnh định được từ 0.7 đến 1 (0.8 đến 1 cho CVS100BS).
- Trip bảo vệ bằng từ nhiệt (TMD)
- Dòng định mức từ 16A đến 600A
- $I_{cs} = 100\% I_{cu}$
- Dùng chung một số phụ kiện với Compact NSX



Type	A	A1	A2	A3	A4	B	B1	B2	C1	C2	C3
CVS100/160/250	60.5	161	94	145	178.5	52.5	105	140	81	86	126
CVS400/630	127.5	255	142.5	200	237	70	140	185	95.5	110	168

EasyPact CVS100BS 25kA@ 380Vac

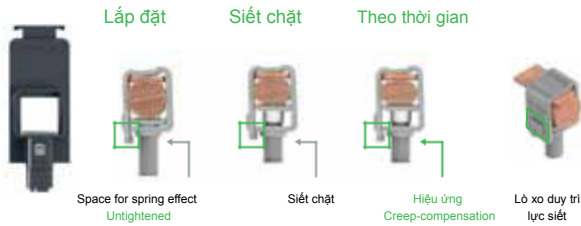
3P			4P		
Dòng điện (A)	Mã hàng		Dòng điện (A)	Mã hàng	
16	LV510930	2.448.600			
20	LV510931	2.448.600			
25	LV510932	2.448.600	25	LV510952	3.305.500
32	LV510933	2.448.600	32	LV510953	3.305.500
40	LV510934	2.448.600	40	LV510954	3.305.500
50	LV510935	2.448.600	50	LV510955	3.305.500
63	LV510936	2.448.600	63	LV510956	3.305.500
80	LV510937	2.448.600	80	LV510957	3.305.500
100	LV510938	2.448.600	100	LV510958	3.305.500

EasyPact CVS100/630, type N, Icu=50kA/415V

3P			4P		
Dòng điện (A)	Mã hàng		Dòng điện (A)	Mã hàng	
16	LV510470	3.204.300	16	LV510480	4.448.400
25	LV510471	3.204.300	25	LV510481	4.448.400
32	LV510472	3.204.300	32	LV510482	4.448.400
40	LV510473	3.204.300	40	LV510483	4.448.400
50	LV510474	3.204.300	50	LV510484	4.448.400
63	LV510475	3.204.300	63	LV510485	4.448.400
80	LV510476	3.323.100	80	LV510486	4.747.600
100	LV510477	3.323.100	100	LV510487	4.747.600
100	LV516461	4.272.400	100	LV516466	6.241.400
125	LV516462	4.272.400	125	LV516467	6.241.400
160	LV516463	5.398.800	160	LV516468	7.341.400
200	LV525452	6.616.500	200	LV525457	9.212.500
250	LV525453	7.392.000	250	LV525458	10.437.900
320	LV540315	11.401.500	320	LV540318	14.386.900
400	LV540316	12.215.500	400	LV540319	15.200.900
500	LV563315	16.131.500	500	LV563318	18.818.800
600	LV563316	17.339.300	600	LV563319	20.432.500

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI Compact NSXm

MCCB Compact NSXm



- Đầu nối dạng EverLink
- Phụ kiện dạng lò xo có thể trực quan
- Lắp đặt Built-in DIN rail và trên đế

Compact NSXm F (36kA @ 380/415V) with TMD trip unit

EverLink™ connectors		3P	
	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	16	LV426300	4.142.600
	25	LV426301	4.142.600
	32	LV426302	4.142.600
	40	LV426303	4.142.600
	50	LV426304	4.142.600
	63	LV426305	4.142.600
	80	LV426306	4.259.200
	100	LV426307	4.259.200
	125	LV426308	5.504.400
	160	LV426309	6.990.500
Compression lug/busbar connectors		3P	
	16	LV426350	3.872.000
	25	LV426351	3.872.000
	32	LV426352	3.872.000
	40	LV426353	3.872.000
	50	LV426354	3.872.000
	63	LV426355	3.872.000
	80	LV426356	3.980.900
	100	LV426357	3.980.900
	125	LV426358	5.144.700
	160	LV426359	6.532.900
EverLink™ connectors		4P	
	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	16	LV426310	5.652.900
	25	LV426311	5.652.900
	32	LV426312	5.652.900
	40	LV426313	5.652.900
	50	LV426314	5.652.900
	63	LV426315	5.652.900
	80	LV426316	6.002.700
	100	LV426317	6.002.700
	125	LV426318	8.092.700
	160	LV426319	9.518.300
Compression lug/busbar connectors		4P	
	16	LV426360	5.283.300
	25	LV426361	5.283.300
	32	LV426362	5.283.300
	40	LV426363	5.283.300
	50	LV426364	5.283.300
	63	LV426365	5.283.300
	80	LV426366	5.610.000
	100	LV426367	5.610.000
	125	LV426368	7.563.600
	160	LV426369	8.895.700

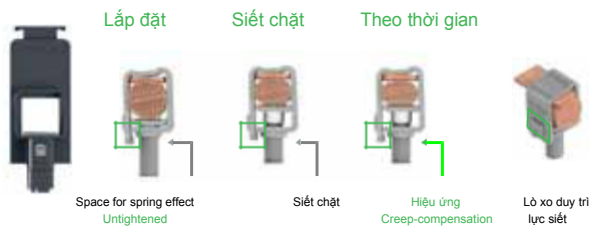
Compact NSXm N (50kA @ 380/415V) with TMD trip unit

EverLink™ connectors		3P	
	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	16	LV426400	4.735.500
	25	LV426401	4.735.500
	32	LV426402	4.735.500
	40	LV426403	4.735.500
	50	LV426404	4.735.500
	63	LV426405	4.735.500
	80	LV426406	4.865.300
	100	LV426407	4.865.300
	125	LV426408	6.058.800
	160	LV426409	7.694.500
Compression lug/busbar connectors		3P	
	16	LV426450	4.425.300
	25	LV426451	4.425.300
	32	LV426452	4.425.300
	40	LV426453	4.425.300
	50	LV426454	4.425.300
	63	LV426455	4.425.300
	80	LV426456	4.547.400
	100	LV426457	4.547.400
	125	LV426458	5.662.800
	160	LV426459	7.190.700
EverLink™ connectors		4P	
	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	16	LV426410	6.395.400
	25	LV426411	6.395.400
	32	LV426412	6.395.400
	40	LV426413	6.395.400
	50	LV426414	6.395.400
	63	LV426415	6.395.400
	80	LV426416	6.788.100
	100	LV426417	6.788.100
	125	LV426418	8.911.100
	160	LV426419	10.479.700
Compression lug/busbar connectors		4P	
	16	LV426460	5.977.400
	25	LV426461	5.977.400
	32	LV426462	5.977.400
	40	LV426463	5.977.400
	50	LV426464	5.977.400
	63	LV426465	5.977.400
	80	LV426466	6.343.700
	100	LV426467	6.343.700
	125	LV426468	8.328.100
	160	LV426469	9.794.400

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI Compact NSXm

Compact NSXm H fixed type & Auxiliaries

MCCB Compact NSXm



- Đầu nối dạng EverLink
- Phụ kiện dạng lò xo có thể trực quan
- Lắp đặt Built-in DIN rail và trên đế

Compact NSXm H (70kA @ 380/415V) with TMD trip unit

EverLink™ connectors	3P	
Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	LV426500	5.269.000
25	LV426501	5.269.000
32	LV426502	5.269.000
40	LV426503	5.269.000
50	LV426504	5.269.000
63	LV426505	5.269.000
80	LV426506	5.487.900
100	LV426507	5.487.900
125	LV426508	7.792.400
160	LV426509	9.463.300
Compression lug/busbar connectors	3P	
16	LV426550	4.924.700
25	LV426551	4.924.700
32	LV426552	4.924.700
40	LV426553	4.924.700
50	LV426554	4.924.700
63	LV426555	4.924.700
80	LV426556	5.129.300
100	LV426557	5.129.300
125	LV426558	7.283.100
160	LV426559	8.844.000

Compact NSXm N (50kA @ 380/415V) with TMD trip unit

EverLink™ connectors	4P	
Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
16	LV426510	7.415.100
25	LV426511	7.415.100
32	LV426512	7.415.100
40	LV426513	7.415.100
50	LV426514	7.415.100
63	LV426515	7.415.100
80	LV426516	7.889.200
100	LV426517	7.889.200
125	LV426518	10.442.300
160	LV426519	11.908.600
Compression lug/busbar connectors	4P	
16	LV426560	6.930.000
25	LV426561	6.930.000
32	LV426562	6.930.000
40	LV426563	6.930.000
50	LV426564	6.930.000
63	LV426565	6.930.000
80	LV426566	7.373.300
100	LV426567	7.373.300
125	LV426568	9.759.200
160	LV426569	11.129.800

Compact NSXm Auxiliaries

				Reference	Unit Price
Auxiliary contacts (changeover)		Standard OF or SD		LV426950	750.200
AC	Voltages	MX		MN	
	110...130 V 50HZ	LV426843	3.518.900	LV426803	3.518.900
	220...240 V 50 Hz	LV426844	6.930.000	LV426804	3.518.900
	380...415 V 50 HZ	LV426846	6.930.000	LV426806	3.518.900
DC	250 V DC	LV426844	6.930.000	LV426815	3.518.900
Direct rotary handle				LV426930	2.029.500
Extended rotary handle				LV426932	2.327.600
Open door shaft operator				LV426937	1.114.300
Lateral rotary handle				LV426935	2.158.200
CB fixed handle padlock ON/OFF				LV426905	935.000

